

Bản án số: 141/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 12/6/2025

V/v “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHIÊM HOÁ - TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Đào Thị Bích Ngọc.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hà Phúc Tuyên.

2. Ông La Xuân Thủy.

- Thư ký phiên toà: Bà Hà Thị Vân - Thư ký Toà án nhân dân huyện Chiêm Hoá, tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Chiêm Hoá, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên toà: Bà Chu Thị Hoa - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 6 năm 2025 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Chiêm Hoá, tỉnh Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án ly hôn thụ lý số: 50/2025/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 3 năm 2025 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số: 19/2025/QĐST-HNGĐ ngày 26/5/2025 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Anh Hà Doãn L, Sinh năm 1989.

Địa chỉ: Thôn N, xã T, huyện C, tỉnh Tuyên Quang (*có đơn xin xét xử vắng mặt*).

* Bị đơn: Chị Nông Thị L1, Sinh năm 1986.

Địa chỉ: Thôn N, xã T, huyện C, tỉnh Tuyên Quang (*vắng mặt không có lý do*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, quan điểm trong quá trình giải quyết vụ án và đơn xin xét xử vắng mặt, nguyên đơn anh Hà Doãn L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Hà Doãn L và chị Nông Thị L1 tự nguyện tìm hiểu, đăng ký kết hôn năm 2017 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Tuyên Quang. Sau khi kết hôn, anh L và chị L1 chung sống tại thôn N, xã T, huyện C, tỉnh Tuyên

Quang. Anh L, chị L1 chung sống hạnh phúc đến ngày 26/8/2023 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, khi mâu thuẫn xảy ra mâu thuẫn anh L, chị L1 đã được hai bên gia đình khuyên bảo nhưng mâu thuẫn vợ chồng không khắc phục được. Anh L và chị L1 đã sống ly thân với nhau từ cuối tháng 8/2023 đến nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng giữa anh L và chị L1 không thể hàn gắn được, anh L đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Nông Thị Liêu .

Về con chung: Anh Hà Doãn L và chị Nông Thị L1 có 01 con chung là cháu Hà Doãn Bảo L2, sinh ngày 23/5/2017, hiện nay cháu L2 đang ở cùng chị L1. Khi ly hôn anh L có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Không yêu cầu chị Nông Thị L1 phải cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh L xác định không có tài sản chung, không có vay nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án đã Thông báo, triệu tập chị Nông Thị L1 đến để giải quyết việc anh Hà Doãn L đề nghị ly hôn nhưng chị L1 đều không có mặt và không có ý kiến trình bày đối với nội dung yêu cầu khởi kiện của anh Hà Doãn L. Qua xác minh tại địa phương thì hiện nay chị L1 vẫn đăng ký thường trú tại thôn N, xã T, huyện C, tỉnh Tuyên Quang.

Theo lời khai của bà Nguyễn Thị V (mẹ đẻ của anh Hà Doãn L) cung cấp như sau: Anh L và chị L1 được tự do tìm hiểu, đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật năm 2017 tại UBND xã T, huyện C và được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương. Sau khi kết hôn anh L và chị L1 chung sống cùng gia đình bà V tại thôn N, xã T, huyện C. Anh L, chị L1 đi làm ăn xa tại tỉnh Hưng Yên, thỉnh thoảng có về thăm nhà. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng giữa anh L và chị L1 thì bà không nắm được do chị L1, anh L đi làm ăn xa, không chia sẻ nguyên nhân mâu thuẫn cho gia đình. Chị L1 có về thăm gia đình vào tháng 8/2023, từ đó chị L1 không về nhà bà V sinh sống nữa. Anh L và chị L1 vẫn liên lạc với nhau qua điện thoại và thường xuyên xảy ra cãi vã. Chị L1 hiện nay đang đi làm ăn xa, gia đình chỉ liên lạc được với chị L1 qua điện thoại. Bà V xác định, việc anh L nộp đơn khởi kiện xin ly hôn tại Tòa án chị L1 có được biết, tuy nhiên do chị L1 đang đi làm ăn xa nên không thể về theo Giấy triệu tập của Tòa án. Địa chỉ cụ thể nơi làm việc của chị L1 ở đâu thì bà V cũng không được biết, nên bà V không cung cấp được địa chỉ nơi làm việc của chị L1 cho Tòa án, bà V xác định khi nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án bà V đã thông báo cho chị L1 biết việc anh L xin ly hôn nhưng chị L1 không về. Anh Hà Doãn L và chị Nông Thị L1 có 01 con chung là cháu Hà Doãn Bảo L2, sinh ngày 23/5/2017 hiện nay cháu L2 đang ở cùng chị L1.

Chị Nông Thị X là chị gái ruột của chị Nông Thị L1 cung cấp: Gia đình chị biết việc anh L xin ly hôn với chị L1 tại Tòa án, khi Tòa án gửi giấy triệu tập cho chị L1, chị X là người ký nhận và thông báo cho chị L1 về thời gian và địa điểm đến giải quyết nhưng chị L1 đi làm ăn xa không về được. Chị X vẫn hay gọi điện liên lạc với chị L1 và khuyên chị L1 về giải quyết nhưng chị L1 không về. Anh L và chị L1 có 01 con chung là cháu Hà Doãn Bảo L2, sinh ngày 23/5/2017 hiện nay

cháu L2 đang ở cùng chị L1, chị X không biết địa chỉ hiện nay của chị L1 và cháu L2 ở đâu.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án đều đảm bảo đúng quy định. Riêng bị đơn chưa thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị: Căn cứ các Điều 51, 53, 56, 57, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, các Điều 143, 144, 147, 227, 228, 238, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*” của anh Hà Doãn L; cho anh L được ly hôn với chị Nông Thị Liễu .

- Về con chung: Giao cháu Hà Doãn Bảo L2, sinh ngày 23/5/2017 cho chị Nông Thị L1 trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Hà Doãn L không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản và nợ chung anh Hà Doãn L xác định không có, không đề nghị Tòa án giải quyết, do vậy không đề nghị xem xét.

- Về án phí và quyền kháng cáo: Anh Hà Doãn L phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định. Chị Nông Thị L1 không phải chịu án phí. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về pháp luật tố tụng.

Anh Hà Doãn L khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang giải quyết cho anh ly hôn với chị Nông Thị L1; Chị Nông Thị L1 đăng ký thường trú tại thôn N, xã T, huyện C, tỉnh Tuyên Quang. Căn cứ theo khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang.

Quá trình xác minh tại địa phương cho thấy, chị Nông Thị L1 đăng ký thường trú tại thôn N, xã T, huyện C, tỉnh Tuyên Quang. Chị L1 đi làm ăn xa, không thông báo địa chỉ nên không rõ địa chỉ cụ thể hiện nay của chị L1. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thông báo, triệu tập, gia đình anh L đã thông báo cho chị L1 nhưng chị L1 vẫn không về và cũng không thông báo địa chỉ nơi ở và nơi làm việc, đây được xem là trường hợp bị đơn cố tình che giấu địa chỉ, trốn tránh nghĩa vụ nên Tòa án vẫn giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa đã tiến hành xác minh thu thập chứng cứ; thực hiện các thủ tục niêm yết, tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật, tuy nhiên bị đơn chị Nông Thị L1 vẫn vắng mặt lần thứ hai, anh Hà Doãn L có đơn xin xét xử vắng mặt. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa quyết định xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại các Điều 227, 228, 238 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về việc xem xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh L, chị L1 có đủ điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 8 của Luật hôn nhân và gia đình; có đăng ký kết hôn vào ngày 03/5/2017 tại UBND xã T, huyện C, tỉnh Tuyên Quang nên được xác định là hôn nhân hợp pháp.

Qua lời khai của bà Nguyễn Thị V, chị Nông Thị X và kết quả xác minh tại thôn N, xã T, huyện C cho thấy: Quá trình chung sống giữa anh L và chị L1 xảy ra mâu thuẫn do tính cách không hợp nhau và bất đồng quan điểm sống, không có sự quan tâm, chia sẻ giúp đỡ nhau trong cuộc sống. Hội đồng xét xử thấy rằng, cuộc sống chung của vợ chồng giữa anh L, chị L1 thực tế đã không tồn tại từ tháng 8/2023 đến nay; cả hai đều đã không còn quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; không cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình nên không thể tồn tại một gia đình hạnh phúc, tiến bộ, mục đích hôn nhân không đạt được. Như vậy, căn cứ vào các Điều 51, 53, 56, 57 Luật Hôn nhân và gia đình thì tình trạng hôn nhân của anh L và chị L1 đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Hà Doãn L, xử cho anh L được ly hôn với chị Nông Thị Liêu .

[2.2] Về con chung: Anh L và chị L1 có 01 con chung là cháu Hà Doãn Bảo L2, sinh ngày 23/5/2017. Khi ly hôn anh L có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cháu L2 và không yêu cầu chị L1 cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn.

Trong quá trình giải quyết vụ án chị L1 biết được Tòa án đang thụ lý giải quyết vụ án ly hôn giữa anh L và chị L1, nhưng chị L1 không có văn bản trình bày ý kiến, nguyện vọng của mình về quan hệ hôn nhân với anh L, con chung khi ly hôn, hiện nay chị L1 đi làm ăn xa thường xuyên không có mặt tại địa phương. Tòa án không lấy được ý kiến của cháu L2 về nguyện vọng muốn ở cùng ai khi anh L và chị L1 ly hôn. Tại biên bản xác minh với ông Ma Công T- trưởng thôn Nà Héc, xã T thì sau khi kết hôn cả chị L1 và anh L cùng đi làm ăn xa nên điều kiện trông nom, chăm sóc con chung là như nhau. Tuy nhiên, hiện nay cháu L2 đang ở cùng chị L1, anh L không biết địa chỉ hiện nay của chị L1 và cháu L2, do chị L1 cố tình giấu địa chỉ nên Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình giao cháu Hà Doãn Bảo L2, sinh ngày 23/5/2017 cho chị L1 trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; không chấp nhận yêu cầu về nuôi con của anh L là phù hợp với quy định của pháp; anh L không phải cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Anh Hà Doãn L xác định không có, không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] *Về án phí*: Căn cứ các Điều 143, 144, 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Anh Hà Doãn L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật, chị Nông Thị L1 không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn.

[4] *Về quyền kháng cáo*: Căn cứ các Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 143, 144, 147, 227, 228, 238, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, 53, 56, 57, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội *quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án*;

Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện về “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*”, không chấp nhận yêu cầu về nuôi con của anh Hà Doãn L.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Hà Doãn L được ly hôn với chị Nông Thị L1 (Giấy chứng nhận kết hôn số 19 ngày 03/5/2017 của UBND xã T, huyện C, tỉnh Tuyên Quang).

2. Về con chung: Giao cháu Hà Doãn Bảo L2, sinh ngày 23/5/2017 cho chị Nông Thị L1 trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Hà Doãn L không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí: Anh Hà Doãn L phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm ly hôn. Anh Hà Doãn L đã nộp 300.000đ tiền tạm ứng án phí theo giấy thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 000003232285 ngày 12/3/2025 của Đơn vị trung gian thanh toán Công ty cổ phần T1 và biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số 0000803, ngày 18/3/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chiêm Hóa nay được trừ vào tiền án phí. Anh Hà Doãn L đã nộp đủ tiền án phí.

Chị Nông Thị L1 không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn.

4. Về quyền kháng cáo: Anh Hà Doãn L và chị Nông Thị L1 được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Chiêm Hóa;
- UBND xã Tân Mỹ (nơi ĐKKH);
- Chi cục THADS huyện Chiêm Hóa;
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- Lưu HS + VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đào Thị Bích Ngọc

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hà Phúc Tuyên

La Xuân Thủy

Đào Thị Bích Ngọc

